

diện ở nước ngoài theo quy định riêng của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2. — Nhiệm vụ của Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam chủ yếu là: mua bán, gia công, chế tác vàng bạc, đá quý trong nước và xuất khẩu, nhập khẩu vàng bạc, đá quý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam được liên doanh với các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước về chế tác, gia công, kiểm định vàng bạc, đá quý theo pháp luật của Nhà nước và quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 3. — Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam là một pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập; được Nhà nước cấp vốn Điều lệ ấn định là 100 tỷ đồng (tương đương 1.000 kg vàng); được mở tài khoản và vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước, được sử dụng con dấu riêng.

Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam được huy động vốn dưới hình thức phát hành các trái phiếu bằng vàng và bằng tiền được Ngân hàng Nhà nước bảo trợ.

Điều 4. — Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam đặt dưới quyền quản lý của Hội đồng quản trị gồm 5 đến 7 thành viên và quyền điều hành của một Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc giúp việc. Tổng Giám đốc do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng bổ nhiệm theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Tổng Giám đốc là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các Phó Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng quản trị do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước bổ nhiệm.

Điều 5. — Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

Điều 6. — Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương và Tổng Giám đốc Tổng công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 181-CT ngày 8-6-1991 cho phép thành lập Hội khoa học đất Việt Nam.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ chỉ thị số 1-CT ngày 5 tháng 1 năm 1989 về việc quản lý tổ chức và hoạt động của các Hội quần chúng;

Xét đề nghị của Ban vận động thành lập Hội khoa học đất Việt Nam, ý kiến của Bộ Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm và Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam,

09652842

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft

QUYẾT ĐỊNH:

Cho phép thành lập Hội khoa học đất Việt Nam. Hội khoa học đất Việt Nam tự lo liệu mọi chi phí và phương tiện hoạt động.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 187-CT ngày 12-6-1991 về việc triển khai thực hiện kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Giao cho Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước:

a) Từng bước triển khai thực hiện « Kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững 1991 — 2000 » do Ủy ban Khoa học Nhà nước soạn thảo với sự tham gia của một số tổ chức quốc tế và quốc gia.

b) Chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Bộ, các ngành, các địa phương xây dựng và thực hiện các kế hoạch về môi trường và phát triển bền vững trong các Bộ, ngành và các địa phương.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao kêu gọi sự đầu tư, trợ giúp của các nước, các tổ chức quốc tế, khu vực, các tổ chức phi Chính phủ của các nước trong việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch và dự án cụ thể.

Điều 2. — Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước cần định kỳ 6 tháng 1 lần báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững ở trung ương cũng như ở các ngành và các địa phương.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

VÕ NGUYỄN GIÁP

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 194-CT ngày 20-6-1991 về sử dụng viện trợ Thụy Điển thông qua Chương trình đầu tư công nghiệp và hỗ trợ nhập khẩu.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng sẽ ban hành cơ chế thống nhất về quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế. Trước mắt, xuất phát từ yêu cầu sử dụng có hiệu quả viện trợ của Chính phủ Thụy Điển nhằm tạo điều kiện thúc đẩy các đơn vị sản xuất, kinh doanh hoạt động có hiệu quả và tăng thu cho ngân sách Nhà nước; đồng thời thực hiện được các thỏa thuận giữa hai Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu các Bộ, ngành liên quan thực hiện các nguyên tắc sau đây trong việc sử dụng tiền viện trợ Thụy Điển thuộc chương trình đầu tư công nghiệp và hỗ trợ nhập khẩu:

1. Tiền viện trợ của SIDA, trong đó có Chương trình đầu tư công nghiệp và